

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ
ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Tấn Phong	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2013)
Ông Đặng Minh Phong	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2013)
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên
Ông Hồ Quyết Thắng	Thành viên
Ông Đặng Minh Khôi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2013)
Ông Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Trương Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quý Nhân	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Xuân Hòa
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 31 tháng 5 năm 2013, Công ty thôi làm chức năng nhiệm vụ đầu mối kinh doanh xăng dầu theo Công văn số 3548/QĐ-BCT của Bộ Công thương. Vì vậy, Công ty ngừng trích và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu đối với mặt hàng xăng dầu mua vào sau khi Công ty thôi làm chức năng nhiệm vụ đầu mối kinh doanh xăng dầu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có số dư quỹ bình ổn xăng dầu với số âm là 144.949.855.230 đồng thể hiện khoản quỹ bình ổn sử dụng nhiều hơn số trích lũy kể từ những năm trước đến năm 2013 vẫn chưa được xử lý. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Vấn đề khác

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc xác định phần vốn nhà nước tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 do Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần chưa có biên bản xác định phần vốn nhà nước tại ngày này. Theo đó, khoản lỗ lũy kể từ thời điểm đánh giá lại giá trị doanh nghiệp từ ngày 30 tháng 6 năm 2010 đến 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền 169.785.513.359 đồng vẫn chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Dầu Việt Nam quyết toán liên quan đến vốn đầu tư (với tư cách chủ sở hữu).



Võ Hải Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Văn Tân

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0401-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.210.378.569.073	4.568.087.381.315
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	142.062.508.533	297.846.222.741
1. Tiền	111		137.962.508.533	261.246.222.741
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.100.000.000	36.600.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		597.174.820.166	2.091.112.745.377
1. Phải thu khách hàng	131	6	977.212.774.541	2.141.046.841.156
2. Trả trước cho người bán	132	7	38.265.092.345	55.092.062.439
3. Các khoản phải thu khác	135	8	196.817.194.152	218.029.174.797
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6	(615.120.240.872)	(323.055.333.015)
III. Hàng tồn kho	140	9	390.658.842.908	1.970.893.692.496
1. Hàng tồn kho	141		390.658.842.908	1.970.893.692.496
<i>Trong đó: hàng dự trữ quốc gia</i>			<i>159.517.510.400</i>	<i>159.730.439.160</i>
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		80.482.397.466	208.234.720.701
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.389.174.891	1.657.051.146
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		76.014.210.738	205.277.653.189
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.933.724.487	119.805.610
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.145.287.350	1.180.210.756
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		1.336.488.193.985	1.493.039.948.835
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.622.488.123	3.410.701.716
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		3.386.552.776	592.557.508
2. Phải thu dài hạn khác	218		10.360.434.208	9.319.984.208
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(12.124.498.861)	(6.501.840.000)
II. Tài sản cố định	220		880.842.948.268	900.890.419.496
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	479.353.061.333	516.859.396.639
- Nguyên giá	222		665.665.683.227	752.645.347.515
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(186.312.621.894)	(235.785.950.876)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	283.018.510.830	285.023.264.401
- Nguyên giá	228		285.587.511.448	285.527.275.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.569.000.618)	(504.010.708)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	118.471.376.105	99.007.758.456
III. Bất động sản đầu tư	240	13	4.491.115.529	4.968.978.341
- Nguyên giá	241		8.756.779.923	8.756.779.923
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.265.664.394)	(3.787.801.582)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		176.899.746.694	270.875.954.453
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	79.369.495.358	105.752.846.414
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	134.672.948.176	193.535.351.137
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	16	(37.142.696.840)	(28.412.243.098)
V. Tài sản dài hạn khác	260		260.466.320.550	298.902.534.556
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	260.466.320.550	298.902.534.556
VI. Lợi thế thương mại	269	18	12.165.574.821	13.991.360.273
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.546.866.763.058	6.061.127.330.150

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.438.352.662.855	4.466.989.254.395
I. Nợ ngắn hạn	310		1.422.673.007.685	4.433.179.533.645
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	100.112.008.500	3.256.475.162.000
2. Phải trả người bán	312	20	1.272.662.865.676	1.030.102.927.416
3. Người mua trả tiền trước	313		3.496.845.573	2.153.100.120
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	21.147.720.119	52.269.864.734
5. Phải trả người lao động	315		15.385.323.521	22.993.555.850
6. Chi phí phải trả	316		126.333.388	10.491.582.962
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	7.062.629.213	53.958.539.279
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.679.281.695	4.734.801.284
II. Nợ dài hạn	330		15.679.655.170	33.809.720.750
1. Phải trả dài hạn khác	333	23	159.517.510.400	159.730.439.160
2. Vay và nợ dài hạn	334	24	1.112.000.000	1.174.540.000
3. Quỹ bình ổn xăng dầu	340	25	(144.949.855.230)	(127.095.258.410)
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.074.931.672.899	1.546.102.192.209
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	1.074.931.672.899	1.546.102.192.209
1. Vốn điều lệ	411		2.488.774.701.456	2.488.774.701.456
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.025.469.716	14.025.078.904
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.513.793.799	3.403.946.862
4. Lỗ lũy kế	420		(1.432.382.292.072)	(960.101.535.013)
C. LỢI ÍCH CÒ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	28	33.582.427.304	48.035.883.546
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+400+439)	600		2.546.866.763.058	6.061.127.330.150

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của khách hàng (VND)	35.203.418.842	77.103.603.640
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của PV Oil và các đơn vị thành viên (VND)	932.997.945.214	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.608.973.500	1.608.973.500
4. Ngoại tệ các loại		
USD	123.596	1.479.266
EUR	000.000	99.539
SGD	000.000	732


Mai Ngọc Rin
Người lập biểu


Huỳnh Đức Trường
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Hòa
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2014

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013		2012	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	11.592.225.396.687		22.861.371.050.198	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	342.387.154.306		688.598.501.809	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		11.249.838.242.381		22.172.772.548.389	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	10.929.885.859.382		22.038.980.470.448	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		319.952.382.999		133.792.077.941	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	70.162.659.236		82.301.026.412	
7. Chi phí tài chính	22	33	140.342.647.380		344.624.409.885	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		114.442.982.309		303.641.646.979	
8. Chi phí bán hàng	24		241.597.243.236		304.299.450.995	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		416.268.930.424		465.730.244.354	
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(408.093.778.805)		(898.561.000.881)	
11. Thu nhập khác	31		78.872.855.730		23.847.342.749	
12. Chi phí khác	32		119.518.517.456		3.376.260.902	
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	34	(40.645.661.726)		20.471.081.847	
14. (Lỗ)/Lãi từ công ty liên kết	45		(20.387.634.922)		2.159.886.338	
15. Lỗ kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(469.127.075.453)		(875.930.032.696)	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	5.844.154.365		2.546.084.904	
17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(474.971.229.818)		(878.476.117.600)	
17.1 Lỗ sau thuế của cổ đông thiểu số	61	28	(13.221.880.490)		(7.133.090.205)	
17.2 Lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(461.749.349.328)		(871.343.027.395)	
18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	36	(1.855)		(3.501)	


Mai Ngọc Rin
Người lập biểu


Huỳnh Đức Trường
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Hòa
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2014

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lỗ trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>(469.127.075.453)</i>	<i>(875.930.032.696)</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			-
Khấu hao tài sản cố định	02	41.030.972.203	52.170.058.385
Các khoản dự phòng	03	300.795.361.599	318.443.123.036
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(3.801.438)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(59.681.740.908)	(67.261.293.609)
Chi phí lãi vay	06	114.442.982.309	303.641.646.979
<i>3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>(72.543.301.688)</i>	<i>(268.936.497.905)</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.308.695.972.054	1.203.750.402.643
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.580.306.979.964	(863.341.353.927)
Thay đổi các khoản phải trả	11	117.121.560.825	(2.345.580.012.638)
Thay đổi chi phí trả trước	12	40.759.561.176	42.652.826.220
Tiền lãi vay đã trả	13	(121.454.194.754)	296.503.741.330
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.579.432.886)	(5.752.896.298)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.801.403.919	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.786.147.353)	(3.641.432.982)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>2.848.322.401.257</i>	<i>(1.944.345.223.557)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21	(21.897.868.573)	(95.218.624.060)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	72.402.488.759	1.859.049.804
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(95.916.280.189)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	64.803.446.856
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.000.000.000)	(8.812.900.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	88.607.936.000	35.264.166.667
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.464.642.980	67.853.681.847
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>150.577.199.166</i>	<i>(30.167.459.075)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	5.100.226.699.607	14.488.602.298.511
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.254.714.933.107)	(13.125.311.686.531)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(195.662.926)	(7.784.386.460)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(3.154.683.896.426)</i>	<i>1.355.506.225.520</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(155.784.296.003)	(619.006.457.112)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	297.846.222.741	916.682.563.586
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	581.795	170.116.267
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	142.062.508.533	297.846.222.741

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 10.402.270.073 đồng (năm 2012: 12.450.381.947 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Mai Ngọc Rin
Người lập biểu



Huỳnh Đức Trường
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hòa

Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty mẹ") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec. Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là Công ty.

Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 3076/BB-DKVN được phê duyệt bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định Giá Miền Nam và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thì giá trị của Công ty mẹ được xác định cho mục đích cổ phần hóa là 2.606.204.995.730 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010. Theo Quyết định số 3080/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thành công ty cổ phần với vốn điều lệ là 2.600.000.000.000 đồng. Công ty mẹ được cổ phần hóa vào ngày 18 tháng 5 năm 2011 và trở thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0300649476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng ngày, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ quyết định thời điểm chính thức hoạt động của công ty cổ phần và cũng là thời điểm chuyển giao tất cả quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec trước đây sang công ty cổ phần là từ ngày 18 tháng 5 năm 2011.

Ngày 09 tháng 4 năm 2013, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN") và Tổng Công ty Dầu Việt Nam ("PV Oil") ký kết hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần ("Petec"). Theo đó, PVN đồng ý chuyển nhượng 246.425.100 cổ phần cùng với toàn bộ quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của PVN tương ứng với tỷ lệ cổ phần chuyển nhượng trong Petec cho PV Oil.

Ngày 26 tháng 4 năm 2013, Công ty mẹ đã cấp Giấy chứng nhận cổ đông cho PV Oil theo Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn tại PETEC từ PVN sang PV Oil.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ có các công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Cà phê Petec (sau đây gọi tắt là "Cà phê Petec")
- Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec (sau đây gọi tắt là "Petromat")
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghiệp Petec (sau đây gọi tắt là "Cisco")
- Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (sau đây gọi tắt là "Petec Land")
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "An Pha Vĩnh Long")

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 603 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 671 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu; chi tiết xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải bao gồm đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ xăng dầu); đại lý tiêu thụ hàng hóa, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản; kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ; kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy.

Ngày 31 tháng 5 năm 2013, Công ty mẹ thôi làm chức năng nhiệm vụ đầu mối kinh doanh xăng dầu theo Công văn số 3548/QĐ-BCT của Bộ Công Thương.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC (“Thông tư 228”) ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

500-
NHÀ
IG T
HIỆM
OIT
T NA
P. H

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của Công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc Công ty góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc Công ty góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/(lỗ) do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn và ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng hoá và chi phí thu mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ giá trị sổ sách của hàng tồn kho cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5-15
Máy móc, thiết bị	6-15
Phương tiện vận tải	3-15
Thiết bị văn phòng	3-6
Tài sản cố định khác	25

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nguyên giá và hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế trong khi quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng của phần mềm quản lý là 5 năm.

Đối với tài sản cố định vô hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phiếu và đầu tư góp vốn với tỷ lệ quyền biểu quyết ít hơn 20% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vốn vào tổ chức kinh tế khác và các khoản đầu tư dài hạn khác được lập theo các quy định hiện hành nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chủ yếu giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là thời điểm có quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp (bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất Công ty đang thuê và giá trị thương hiệu). Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 10 năm kể từ ngày cổ phần hóa doanh nghiệp.

Chi phí trả trước dài hạn khác là tiền thuê đất dài hạn đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê; chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, sửa chữa tài sản, chi phí logo bảng hiệu và công cụ dụng cụ khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ 2 đến 5 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

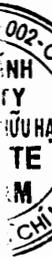
Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ Bình ổn giá (BOG) xăng dầu được Công ty trích và sử dụng căn cứ vào các văn bản quy định của Bộ Tài chính cho lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ, cụ thể như sau :

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 234 /2009/TT-BTC “Hướng dẫn cơ chế hình thành, quản lý và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu” và

- Thông báo số 15647/BTC-QLG ngày 11 tháng 11 năm 2012;
- Thông báo số 807/BTC-QLG ngày 15 tháng 01 năm 2013;
- Thông báo số 1441/BTC-QLG ngày 28 tháng 01 năm 2013;
- Thông báo số 2152/BTC-QLG ngày 08 tháng 02 năm 2013;
- Thông báo số 2623/BTC-QLG ngày 26 tháng 02 năm 2013;
- Thông báo số 3804/BTC-QLG ngày 28 tháng 3 năm 2013;
- Thông báo số 6893/BTC-QLG ngày 31 tháng 5 năm 2013;
- Thông báo số 7744/BTC-QLG ngày 14 tháng 6 năm 2013;
- Thông báo số 8363/BTC-QLG ngày 28 tháng 6 năm 2013;
- Thông báo số 9724/BTC-QLG ngày 17 tháng 7 năm 2013;
- Thông báo số 11239/BTC-QLG ngày 22 tháng 8 năm 2013;
- Thông báo số 13441/BTC-QLG ngày 07 tháng 10 năm 2013;
- Thông báo số 14239/BTC-QLG ngày 22 tháng 10 năm 2013;
- Thông báo số 16363/BTC-QLG ngày 26 tháng 11 năm 2013 về việc điều hành giá và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Trong đó, số trích được ghi nhận tăng giá vốn hàng bán và số sử dụng được ghi giảm giá vốn hàng bán.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	2.421.029.453	5.519.632.979
Tiền gửi ngân hàng	135.541.479.080	255.726.589.762
Các khoản tương đương tiền	4.100.000.000	36.600.000.000
	<u>142.062.508.533</u>	<u>297.846.222.741</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất trung bình 6%/năm (31 tháng 12 năm 2012: 9%/năm).

Ngày 07 tháng 02 năm 2013, Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ("Vietcombank Chi nhánh Hà Nội") cùng thỏa thuận về việc phong tỏa và ghi nợ tự động tài khoản số 0021000273815 với số tiền 2.253.800.000 đồng của Công ty mở tại Vietcombank Chi nhánh Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	78.334.498.311	112.699.298.311
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	12.625.037.821	34.370.476.960
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cẩm Giàng (*)	20.010.740.366	20.010.740.366
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm (*)	77.865.356.829	77.865.356.829
Công ty Cổ phần TM Dầu khí Vũ Anh (*)	58.952.121.001	59.044.121.001
Công ty Cổ phần ĐT và PT Xăng dầu Tiên Phong (*)	124.251.939.885	124.251.939.885
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc (*)	124.164.578.894	124.164.578.894
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông (*)	87.946.610.123	87.946.610.123
Công ty TNHH MTV Thương mại Nhiên liệu HDSG	3.171.520.700	158.327.885.400
Khách hàng khác	389.890.370.611	1.342.365.833.387
	<u>977.212.774.541</u>	<u>2.141.046.841.156</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(615.120.240.872)	(323.055.333.015)
	<u>362.092.533.669</u>	<u>1.817.991.508.141</u>

Trong tổng nợ phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty, có một số khoản nợ liên quan đến nhóm khách hàng tại các tỉnh Miền Bắc (*) đang được cơ quan hữu quan điều tra có tổng dư nợ là 493.191.347.098 đồng. Các tài sản tịch biên từ chủ sở hữu các công ty này chưa được bên cơ quan điều tra công bố nên Công ty chưa có cơ sở chắc chắn về khả năng có thể thu hồi toàn bộ số dư nợ này. Do đó, để đảm bảo rủi ro về mặt tài chính có thể xảy ra liên quan đến nhóm công nợ này và các công nợ khác đang được Công ty lập hồ sơ khởi kiện, Công ty đã căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 và ước tính về khả năng thu hồi của các khoản nợ này để trích lập dự phòng với tỷ lệ là 100% giá trị công nợ sau khi trừ tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc cũng tin rằng các khoản dự phòng được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất đủ để ghi giảm giá trị của các tài sản này xuống giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Chế biến trà Trân Nam Việt	2.163.000.000	-
Công ty TNHH Thái Gia Sơn	5.087.078.252	-
Công ty TNHH TM-DV Dầu khí Anh Thúy	7.587.684.780	7.497.031.492
Công ty Cổ phần Song Phát	7.725.000.000	-
Công ty Cổ phần TMDV Xăng dầu Đình Vũ	5.451.269.220	5.451.269.220
Công ty Cổ phần Xây dựng Quốc tế Việt Nam	6.391.800.000	-
Nhà cung cấp khác	3.859.260.093	42.143.761.727
	<u>38.265.092.345</u>	<u>55.092.062.439</u>

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	172.650.526.381	172.650.526.381
Đền bù giải tỏa kho Thốt Nốt	13.187.191.115	14.316.720.120
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	23.715.495.759
Phải thu khác	10.979.476.656	7.346.432.537
	<u>196.817.194.152</u>	<u>218.029.174.797</u>

Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thể hiện:

- (1) Khoản lỗ lũy kế từ thời điểm đánh giá lại giá trị doanh nghiệp từ ngày 30 tháng 6 năm 2010 đến 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền 169.785.513.359 đồng theo báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH Một thành viên (MTV) sang Công ty Cổ phần. Khoản lỗ này vẫn chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết toán liên quan đến vốn đầu tư (với tư cách chủ sở hữu).
- (2) Khoản lợi nhuận từ hoạt động của Xí nghiệp Xăng Dầu Cát Lái ("Xí nghiệp") đã chia cho Bộ tư lệnh Hải quân với số tiền 2.367.013.022 đồng tương ứng với phần chi phí khấu hao tăng sau khi đánh giá lại tài sản tại Xí nghiệp thuộc đồng sở hữu của Công ty và Bộ Tư lệnh Hải quân khi cổ phần hóa doanh nghiệp.
- (3) Chi phí phát sinh liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp còn phải thu lại từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền 498.000.000 đồng.

9. HÀNG TỒN KHO

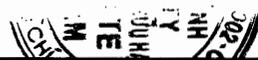
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.875.888.500	3.618.418.203
Công cụ, dụng cụ	1.381.182.671	1.199.208.512
Thành phẩm	1.130.733.724	4.282.187.363
Hàng hóa	377.107.803.635	1.955.110.017.901
<i>Trong đó: hàng dự trữ quốc gia</i>	<i>159.517.510.400</i>	<i>159.730.439.160</i>
Hàng gửi bán	9.152.059.960	-
Khác	11.174.418	6.683.860.517
	<u>390.658.842.908</u>	<u>1.970.893.692.496</u>

Hàng dự trữ Quốc gia

Giá trị hàng dự trữ quốc gia là hàng xăng dầu của Cục Dự trữ Quốc gia mà Công ty đã giữ hộ, được thực hiện theo Thông tư số 213/2009/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho dự trữ nhà nước.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	598.912.141.155	40.802.852.156	73.922.771.246	6.969.523.607	32.038.059.351	752.645.347.515
Mua trong năm	-	733.887.918	409.090.909	242.466.362	-	1.385.445.189
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	25.620.815.990	653.146.458	2.052.006.919	18.900.000	-	28.344.869.367
Điều chỉnh tăng từ tài sản cố định vô hình (i)	8.675.511.974	-	-	-	-	8.675.511.974
Tài sản cố định nhận từ thu hồi vốn đầu tư	261.782.130	-	527.500.000	-	-	789.282.130
Thanh lý tài sản Xí Nghiệp Cát Lái (ii)	(80.207.241.483)	(8.664.027.453)	(16.610.852.115)	(168.719.836)	-	(105.650.840.887)
Điều chỉnh sang tài sản cố định vô hình (iii)	(4.501.356.000)	-	-	-	-	(4.501.356.000)
Thanh lý, nhượng bán khác	(793.275.856)	(668.788.368)	(4.790.477.967)	-	(746.900.718)	(6.999.442.909)
Chuyển sang chi phí trả trước (iv)	(762.452.328)	(968.430.344)	(110.625.104)	(3.336.873.712)	-	(5.178.381.488)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(3.844.751.664)	(3.844.751.664)
Tại ngày 31/12/2013	<u>547.205.925.582</u>	<u>31.888.640.367</u>	<u>55.399.413.888</u>	<u>3.725.296.421</u>	<u>27.446.406.969</u>	<u>665.665.683.227</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	158.394.303.578	25.162.913.192	48.241.869.645	3.116.291.822	870.572.639	235.785.950.876
Khấu hao trong năm	29.911.912.112	2.730.585.592	4.540.126.065	1.144.548.206	24.845.472	38.352.017.447
Khấu hao tài sản nhận về từ thu hồi vốn đầu tư	-	-	237.306.117	-	-	237.306.117
Điều chỉnh khác	36.403.500	-	-	-	-	36.403.500
Thanh lý tài sản Xí Nghiệp Cát Lái (ii)	(58.463.009.963)	(7.103.853.427)	(14.934.580.188)	(131.610.446)	-	(80.633.054.024)
Thanh lý, nhượng bán khác	(531.493.726)	(631.480.582)	(2.747.743.563)	-	(502.373.954)	(4.413.091.825)
Phân loại lại	(26.435.481)	-	26.435.481	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước (iv)	(404.109.570)	(719.232.835)	(99.206.809)	(1.830.360.983)	-	(3.052.910.197)
Tại ngày 31/12/2013	<u>128.917.570.450</u>	<u>19.438.931.940</u>	<u>35.264.206.748</u>	<u>2.298.868.599</u>	<u>393.044.157</u>	<u>186.312.621.894</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	<u>418.288.355.132</u>	<u>12.449.708.427</u>	<u>20.135.207.140</u>	<u>1.426.427.822</u>	<u>27.053.362.812</u>	<u>479.353.061.333</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>440.517.837.577</u>	<u>15.639.938.964</u>	<u>25.680.901.601</u>	<u>3.853.231.785</u>	<u>31.167.486.712</u>	<u>516.859.396.639</u>



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Khấu hao trong năm được ghi nhận:

Chi phí sản xuất kinh doanh trong năm

38.327.171.975

Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định

24.845.472

38.352.017.447

(i) Công ty thực hiện điều chỉnh tài sản gắn liền trên đất của cửa hàng xăng dầu (“CHXD”) Bé Sáu, CHXD Ngọc Yến, CHXD Tân Hiệp Lợi, CHXD Trần Ròn từ tài sản cố định vô hình sang tài sản cố định hữu hình. Theo đó, giá trị tài sản gắn liền trên đất của các cửa hàng xăng dầu này được khấu hao trong 15 năm.

(ii) Công ty kết thúc hợp đồng liên doanh với Bộ Tư lệnh Hải Quân vào ngày 31 tháng 8 năm 2012 và theo Biên bản thanh lý hợp đồng liên doanh ngày 28 tháng 6 năm 2013, hai bên liên doanh đã thực hiện thanh lý tài sản cố định với giá trị còn lại là 25.017.786.863 đồng. Căn cứ theo Hợp đồng liên doanh số 58/HĐKT ngày 20 tháng 11 năm 1991 giữa Bộ Tư lệnh Hải Quân và Công ty, tài sản hình thành từ hoạt động hợp tác kinh doanh sau khi thanh lý, trừ đi các khoản chi phí phát sinh liên quan đến thanh lý được chia đều cho hai bên liên doanh. Theo đó, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của hai bên đã thực hiện đầy đủ và không có vướng mắc hay tranh chấp liên quan đến việc thanh lý hợp đồng liên doanh.

(iii) Công ty thực hiện điều chỉnh Quyền sử dụng đất tại cửa hàng xăng dầu Đồng Tâm và cửa hàng xăng dầu Bé Sáu từ tài sản cố định hữu hình sang tài sản cố định vô hình.

(iv) Công ty thực hiện điều chỉnh các tài sản không hội đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 sang chi phí trả trước dài hạn. Theo đó, giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị là 27.718.015.444 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 27.436.447.996 đồng).



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	285.359.275.109	168.000.000	285.527.275.109
Tăng trong năm	25.391.048.345	854.006.528	26.245.054.873
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.798.474.058	728.070.000	3.526.544.058
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	4.501.356.000	-	4.501.356.000
Phân loại khác	(1.872.200.000)	1.872.200.000	-
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình	(8.675.511.974)	-	(8.675.511.974)
Thanh lý	(25.537.206.618)	-	(25.537.206.618)
Tại ngày 31/12/2013	<u>281.965.234.920</u>	<u>3.622.276.528</u>	<u>285.587.511.448</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	382.427.369	121.583.339	504.010.708
Khấu hao trong năm	1.639.317.602	586.619.814	2.225.937.416
Thanh lý	(124.544.006)	-	(124.544.006)
Giảm khác	-	(36.403.500)	(36.403.500)
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.897.200.965</u>	<u>671.799.653</u>	<u>2.569.000.618</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>280.068.033.955</u></u>	<u><u>2.950.476.875</u></u>	<u><u>283.018.510.830</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>284.976.847.740</u></u>	<u><u>46.416.661</u></u>	<u><u>285.023.264.401</u></u>

Ngày 15 tháng 11 năm 2013, Công ty đã thanh lý kho Long An bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và công cụ, dụng cụ cho Công ty TNHH Việt Thanh với tổng giá trị hợp đồng mua bán là 51.800.000.000 đồng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công trình xây dựng cơ bản dở dang	98.002.354.428	72.645.405.018
<i>Kho cảng xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</i>	56.384.803.077	55.341.984.895
<i>(giai đoạn 2)</i>		
<i>Kho Phú Định</i>	39.593.485.655	4.121.135.113
<i>Khu đất Đầm Bà Tài - thành phố Hải Phòng</i>	820.562.061	674.743.879
<i>Khác</i>	1.203.503.635	12.507.541.131
Mua sắm tài sản cố định	18.708.834.269	26.273.497.239
<i>Mua cửa hàng xăng dầu</i>	18.708.834.269	26.273.497.239
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	530.983.386	88.856.199
Khác	1.229.204.022	-
	<u><u>118.471.376.105</u></u>	<u><u>99.007.758.456</u></u>

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013 và 31/12/2013	<u>7.985.524.034</u>	<u>771.255.889</u>	<u>8.756.779.923</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	3.211.022.640	576.778.942	3.787.801.582
Trích khấu hao trong năm	<u>434.045.580</u>	<u>43.817.232</u>	<u>477.862.812</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>3.645.068.220</u>	<u>620.596.174</u>	<u>4.265.664.394</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>4.340.455.814</u></u>	<u><u>150.659.715</u></u>	<u><u>4.491.115.529</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>4.774.501.394</u></u>	<u><u>194.476.947</u></u>	<u><u>4.968.978.341</u></u>

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2013 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2013 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Vốn điều lệ của các công ty con, tỷ lệ sở hữu và tình hình góp vốn vào các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Vốn điều lệ đã đăng ký 31/12/2013 VND	Vốn đã góp 31/12/2013 VND	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghiệp Petec	26.500.000.000	17.507.510.128	61,91	61,91
- Công ty Cổ phần Cà phê Petec	30.000.000.000	24.256.787.384	58,75	58,75
- Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec	25.500.000.000	17.827.586.137	65,00	65,00
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long	10.000.000.000	40.000.000.000	100,00	100,00
- Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (*)	38.300.000.000	21.191.180.883	44,04	54,83
		<u><u>120.783.064.532</u></u>		

(*): Công ty con thông qua tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp trong các Công ty con.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Hoạt động chính
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghiệp Petec	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh xăng dầu, ô tô, xuất nhập khẩu thiết bị máy móc, nhiên liệu
- Công ty Cổ phần Cà phê Petec	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng dầu, cà phê
- Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec	Tỉnh Nam Định	Kinh doanh xăng dầu, kim khí, hóa chất
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh kho
- Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản và xăng dầu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá trị khoản đầu tư gốc	101.296.193.438	101.296.193.438
<i>Phần kết quả thuần của các công ty liên kết:</i>		
Các năm trước	(1.539.063.158)	2.296.766.638
Trong năm	<u>(20.387.634.922)</u>	<u>2.159.886.338</u>
	<u>79.369.495.358</u>	<u>105.752.846.414</u>

Phần kết quả thuần trong năm bao gồm phần sở hữu của Công ty mẹ trong lợi nhuận của các công ty liên kết.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần PETEC Bình Định	Tỉnh Bình Định	31,54	31,54	Kinh doanh xăng dầu, xi măng
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	44,72	44,72	Kinh doanh xăng dầu, bách hóa
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	27,00	27,00	Kinh doanh xăng dầu, vật tư
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	20,00	20,00	Kinh doanh vận tải, kho bãi
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	Tỉnh Bình Dương	32,98	39,21	Kinh doanh vận chuyển và lưu kho tài liệu

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư chứng khoán	17.642.277.839	76.504.680.800
+ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	990.042.839	59.852.445.800
+ Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	4.736.610.000	4.736.610.000
+ Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu	11.915.625.000	11.915.625.000
Đầu tư góp vốn	117.030.670.337	117.030.670.337
+ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	6.495.547.032	6.495.547.032
+ Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủ Đức	40.873.660.000	40.873.660.000
+ Công ty Cổ phần Áu Lạc	29.706.587.314	29.706.587.314
+ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	1.431.000.000	1.431.000.000
+ Tổng Công ty Thương Mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần	5.232.969.000	5.232.969.000
+ Công ty Cổ phần Vận tải Hà Giang	2.121.130.462	2.121.130.462
+ Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín	7.000.000.000	7.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng & Chất đốt Đồng Nai	1.166.978.529	1.166.978.529
+ Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	23.002.798.000	23.002.798.000
	<u>134.672.948.176</u>	<u>193.535.351.137</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(37.142.696.840)</u>	<u>(28.412.243.098)</u>
	<u>97.530.251.336</u>	<u>165.123.108.039</u>

Đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (một công ty con) vào Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (Công ty mẹ).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa	224.445.635.035	255.475.203.911
Chi phí trả trước dài hạn khác	36.020.685.515	43.427.330.645
	<u>260.466.320.550</u>	<u>298.902.534.556</u>

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013 và 31/12/2013	<u>18.257.854.532</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	4.266.494.259
Khấu hao trong năm	1.825.785.452
Tại ngày 31/12/2013	<u>6.092.279.711</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2013	<u>12.165.574.821</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>13.991.360.273</u>

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con: Cà phê Petec, Petromat, Cisco và Petec Land.

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	1.959.900.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	-	988.300.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	41.081.000.000	42.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	50.820.509.500	88.921.680.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	8.210.499.000	174.853.482.000
Ngân hàng Quốc tế Thanh Hóa	-	2.500.000.000
	<u>100.112.008.500</u>	<u>3.256.475.162.000</u>

Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 134610001/HĐTD ngày 06 tháng 5 năm 2013 và văn bản sửa đổi số 13460001/2013-HĐTD-SĐBS/NHCT422-PETEC ngày 31 tháng 10 năm 2013 của công ty con Cisco với hạn mức vay là 70.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng và lãi suất 6,5%/năm. Khoản vay này được thực hiện bằng hình thức tín chấp.

Vay Ngân hàng TMCP Đông Á theo Hợp đồng tín dụng số H0358 ngày 11 tháng 6 năm 2013 của công ty con Cà phê Petec với hạn mức vay là 100.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng và lãi suất áp dụng theo thỏa thuận tại từng thời điểm giải ngân. Khoản vay này được thực hiện bằng hình thức tín chấp.

Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tín dụng số 34/TB-MB-HCM ngày 07 tháng 01 năm 2013 của công ty con Cà phê Petec với hạn mức vay là 65.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng và lãi suất áp dụng theo thỏa thuận tại từng thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp tài sản (hàng hóa).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Lạc Hóa Dầu Bình Sơn	-	909.954.099.631
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	1.225.641.283.044	-
Công ty Cổ phần MCO Việt Nam	2.718.699.254	3.194.417.612
Công ty Cổ phần XD & PT Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	3.906.963.872	5.175.763.872
DNTN Sơn Ca - Bình Thuận	3.392.483.162	3.392.483.162
Công ty Cổ phần Song Phát	13.499.310.400	-
Công ty cổ phần Licogi 16.5	4.897.625.756	-
Nhà cung cấp khác	18.606.500.188	108.386.163.139
	<u>1.272.662.865.676</u>	<u>1.030.102.927.416</u>

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	2.159.993.864	5.954.486.327
Thuế xuất nhập khẩu	771.985.000	782.840.720
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.367.643.414	521.234.370
Thuế thu nhập cá nhân	671.993.273	1.891.702.005
Các loại thuế khác	16.176.104.568	43.119.601.312
	<u>21.147.720.119</u>	<u>52.269.864.734</u>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước trong năm theo từng loại thuế như sau:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	5.948.359.236	116.158.006.975	(119.946.372.347)	2.159.993.864
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	41.281.975.789	(41.281.975.789)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	782.840.720	93.015.989.977	(93.026.845.697)	771.985.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	218.003.776	(218.003.776)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	407.555.851	5.961.934.962	(6.579.432.886)	(209.942.073)
Thuế thu nhập cá nhân	1.891.702.005	3.381.405.260	(4.601.113.992)	671.993.273
Các loại thuế khác	43.119.601.312	357.593.729.442	(384.893.365.186)	15.819.965.568
Tổng cộng	<u>52.150.059.124</u>	<u>617.611.046.181</u>	<u>(650.547.109.673)</u>	<u>19.213.995.632</u>

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước 119.805.610

1.933.724.487

Thuế và các khoản phải trả Nhà nước 52.269.864.734

21.147.720.119

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	254.294.405	1.191.068.138
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.367.013.022	2.367.013.022
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	-	40.680.568.543
Phải trả cổ tức	-	195.662.926
Phải trả khác	4.441.321.786	9.524.226.650
	<u>7.062.629.213</u>	<u>53.958.539.279</u>

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (QUỸ DỰ TRỮ QUỐC GIA)

Đây là số tiền phải trả tương ứng với giá trị hàng xăng dầu của Cục Dự trữ Quốc gia mà Công ty đã giữ hộ, được thực hiện theo Thông tư số 213/2009/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho dự trữ nhà nước. Giá trị ghi nhận phải trả tương ứng với giá trị hàng tồn kho được trình bày tại Thuyết minh số 9.

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	159.730.439.160	159.943.667.574
Hao hụt trong năm	<u>(212.928.760)</u>	<u>(213.228.414)</u>
Số dư cuối năm	<u>159.517.510.400</u>	<u>159.730.439.160</u>

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn thể hiện khoản tiền vay cán bộ công nhân viên của Cisco theo lãi suất tiền gửi hiện hành.

25. QUỸ BÌNH ỔN XĂNG DẦU

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	(127.095.258.410)	72.081.275.630
Trích quỹ trong năm	112.174.532.400	302.488.677.600
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(130.029.129.220)</u>	<u>(501.665.211.640)</u>
Số dư cuối năm	<u>(144.949.855.230)</u>	<u>(127.095.258.410)</u>

Việc trích lập quỹ bình ổn được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 234 /2009/TT-BTC của Bộ Tài chính "Hướng dẫn cơ chế hình thành, quản lý và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu" và các Thông báo của Bộ Tài chính trong năm 2012 và 2013 về việc điều hành giá và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu. Theo quy định về việc trích và sử dụng quỹ, trong một thời kỳ có thể vừa trích vừa sử dụng quỹ, đồng thời số tiền sử dụng quỹ/lít lớn hơn số trích/lít làm cho quỹ bình ổn bị âm (dư nợ) tại một thời điểm. Do vậy, Quỹ bình ổn xăng dầu bị âm tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là phù hợp theo quy định.

Ngày 31 tháng 5 năm 2013, Công ty thôi làm chức năng nhiệm vụ đầu mỗi kinh doanh xăng dầu theo công văn số 3548/QĐ-BCT của Bộ Công Thương. Vì vậy, Công ty ngừng trích và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu đối với mặt hàng xăng dầu mua vào sau khi đơn vị thôi làm chức năng nhiệm vụ đầu mỗi kinh doanh xăng dầu.

2500-
NHÀ
ÔNG
HIỆM
LOI
T N
TP. H

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn điều lệ**

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	260.000.000	2.600.000.000.000	260.000.000	2.600.000.000.000
Đã góp vốn	248.877.470	2.488.774.701.456	248.877.470	2.488.774.701.456
Chưa góp	11.122.530	111.225.298.544	11.122.530	111.225.298.544

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Dầu Việt Nam góp đủ do chưa thực hiện quyết toán vốn liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại và Kỹ thuật Đầu tư.

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Cổ phiếu

	31/12/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu phổ thông	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phần quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu phổ thông	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Danh sách cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ %	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	-	2.353.025.701.456	94,55
Tổng công ty Dầu Việt Nam	2.353.025.701.456	94,55	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	64.792.860.000	2,60	64.792.860.000	2,60
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	5.490.270.000	0,22	5.490.270.000	0,22
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	3.787.680.000	0,15	3.787.680.000	0,15
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.388.970.000	0,14	3.388.970.000	0,14
Ông Nguyễn Văn Tuấn	2.990.270.000	0,12	2.990.270.000	0,12
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.790.920.000	0,11	2.790.920.000	0,11
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ Thuật Xăng dầu	2.491.890.000	0,10	2.491.890.000	0,10
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủ Đức	1.993.510.000	0,08	1.993.510.000	0,08
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	1.993.510.000	0,08	1.993.510.000	0,08
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	1.993.510.000	0,08	1.993.510.000	0,08
Công ty Cổ phần Dịch vụ và TM Hải Bình	1.495.130.000	0,06	1.495.130.000	0,06
Công ty Cổ phần Âu Lạc	1.000.000.000	0,04	1.000.000.000	0,04
Cổ đông khác	41.540.480.000	1,67	41.540.480.000	1,67
Tổng cộng	2.488.774.701.456	100	2.488.774.701.456	100

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗi lũy kế	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại ngày 31/12/2011	2.488.774.701.456	(10.726.220.491)	11.254.219.853	2.942.494.004	(82.072.735.067)	-	2.410.172.459.755
Chênh lệch tỷ giá	-	10.726.220.491	-	-	-	-	10.726.220.491
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(1.057.474.011)	-	(1.057.474.011)
Thương Ban Điều hành	-	-	-	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(878.476.117.600)	-	(878.476.117.600)
Điều chỉnh cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	7.133.090.205	-	7.133.090.205
Phân phối quỹ	-	-	4.822.023.277	779.812.862	(11.537.636.139)	-	(5.935.800.000)
Phân phối quỹ cho cổ đông thiểu số	-	-	(2.051.164.226)	(318.360.004)	4.778.541.729	-	2.409.017.499
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	1.630.795.870	-	1.630.795.870
Số dư tại ngày 31/12/2012	2.488.774.701.456	-	14.025.078.904	3.403.946.862	(960.101.535.013)	-	1.546.102.192.209
Chuyển nguồn vốn giữa các quỹ	-	-	(4.033.356.418)	-	-	4.033.356.418	-
Kết chuyển công trình hoàn thành	-	-	4.033.356.418	-	-	(4.033.356.418)	-
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(966.000.000)	-	(966.000.000)
Lợi nhuận chia cho các bên liên doanh	-	-	-	-	(4.337.099.705)	-	(4.337.099.705)
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(474.971.229.818)	-	(474.971.229.818)
Điều chỉnh cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	13.221.880.490	-	13.221.880.490
Trích các quỹ ngoài biểu vốn	-	-	-	-	(775.500.000)	-	(775.500.000)
Phân phối quỹ	-	-	1.702.792.872	177.430.039	(1.880.222.911)	-	-
Phân phối quỹ cho cổ đông thiểu số	-	-	(702.402.060)	(67.583.102)	1.072.230.567	-	302.245.405
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(3.644.815.682)	-	(3.644.815.682)
Số dư tại ngày 31/12/2013	2.488.774.701.456	-	15.025.469.716	3.513.793.799	(1.432.382.292.072)	-	1.074.931.672.899



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu. Hoạt động khác bao gồm xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ, các loại vật tư, nguyên liệu, phân bón, phương tiện vận tải và các mặt hàng tiêu dùng khác; xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản; cung cấp dịch vụ hàng hải (đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác); các hoạt động liên doanh, liên kết về kho cảng, ngân hàng, bảo hiểm, cây xăng, kinh doanh bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là liên quan chủ yếu đến hoạt động kinh doanh chính.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại Miền Bắc, Miền Nam và Miền Trung. Hoạt động kinh doanh tổng hợp chủ yếu được thực hiện tại Miền Nam.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Miền Nam	7.390.532.586.704	15.300.925.360.643
Miền Trung	782.511.069.522	2.140.607.281.623
Miền Bắc	3.076.794.586.155	4.731.239.906.123
	<u><u>11.249.838.242.381</u></u>	<u><u>22.172.772.548.389</u></u>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó:

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận 31/12/2013 <u>VND</u>	Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình 31/12/2013 <u>VND</u>	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận 31/12/2012 <u>VND</u>	Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình 31/12/2012 <u>VND</u>
Miền Nam	1.253.654.390.862	45.907.838.939	4.187.051.257.091	17.039.860.689
Miền Trung	183.762.736.181	5.255.671.980	407.778.410.680	6.237.367.297
Miền Bắc	1.109.449.636.015	8.338.402.568	1.466.297.662.379	2.933.834.950
	<u><u>2.546.866.763.058</u></u>	<u><u>59.501.913.487</u></u>	<u><u>6.061.127.330.150</u></u>	<u><u>26.211.062.936</u></u>

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại các công ty con được xác định như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vốn điều lệ của công ty con	130.300.000.000	130.300.000.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	81.603.660.000	81.603.660.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	<u>48.696.340.000</u>	<u>48.696.340.000</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>37%</u>	<u>37%</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tổng tài sản	324.558.896.673	510.010.296.626
Tổng nợ phải trả	<u>(230.076.515.661)</u>	<u>(380.688.537.256)</u>
Tài sản thuần	<u>94.482.381.012</u>	<u>129.321.759.370</u>

Chi tiết như sau:

Vốn điều lệ	130.300.000.000	130.300.000.000
Các quỹ khác	19.860.418.451	17.980.195.540
Lỗi lũy kế	<u>(55.678.037.439)</u>	<u>(18.958.436.170)</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số**33.582.427.304****48.035.883.546***Chi tiết như sau:*

Vốn điều lệ	48.696.340.000	48.696.340.000
Các quỹ khác	8.055.104.936	7.285.119.774
Lỗi lũy kế	<u>(23.169.017.632)</u>	<u>(7.945.576.228)</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Lỗ trong năm	(31.604.506.674)	(13.853.825.902)
Lỗ của cổ đông thiểu số	<u>(13.221.880.490)</u>	<u>(7.133.090.205)</u>

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa xăng dầu	10.344.062.431.097	22.243.414.903.998
Doanh thu bán hàng kinh doanh tổng hợp	1.226.737.107.405	595.338.061.214
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	2.789.116.075
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>21.425.858.185</u>	<u>19.828.968.911</u>
	11.592.225.396.687	22.861.371.050.198
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	(344.911.680)
Thuế bảo vệ môi trường	<u>(342.387.154.306)</u>	<u>(688.253.590.129)</u>
	11.249.838.242.381	22.172.772.548.389

Thuế bảo vệ môi trường được Công ty ghi nhận căn cứ theo Thông tư số 152/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2011, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế bảo vệ môi trường.

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013 VND	2012 VND
Giá vốn của xăng dầu đã bán	9.697.698.422.656	21.575.606.184.374
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ	1.241.138.904.926	583.107.270.302
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	-	1.436.585.420
Hao hụt trong định mức hàng tồn kho xăng dầu	8.903.128.620	78.006.964.392
Trích và sử dụng quỹ bình ôn xăng dầu	<u>(17.854.596.820)</u>	<u>(199.176.534.040)</u>
	10.929.885.859.382	22.038.980.470.448

Hao hụt trong định mức hàng tồn kho xăng dầu

Được áp dụng theo Quyết định số 758/VT-QĐ ngày 13 tháng 4 năm 1986 của Bộ Vật tư.

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	85.761.205.932	308.795.249.350
Chi phí nhân công	120.887.778.526	155.338.060.754
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.030.972.203	52.710.058.385
Chi phí khác	<u>492.666.949.545</u>	<u>537.873.730.048</u>
	740.346.906.206	1.054.717.098.537

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố không bao gồm giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.801.403.919	6.593.179.464
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.669.232.100	68.787.897.930
Lãi đầu tư cổ phiếu	29.745.533.039	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.942.688.740	6.879.670.154
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.801.438	40.278.864
	<u>70.162.659.236</u>	<u>82.301.026.412</u>

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	114,442,982,309	303,641,646,979
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,557,498,265	33,563,101,645
Dự phòng giảm giá và các khoản đầu tư chi phí khác	24,342,166,806	7,419,661,261
	<u>140,342,647,380</u>	<u>344,624,409,885</u>

34. (LỖ)/ LỢI NHUẬN KHÁC

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	72.402.488.759	3.021.104.169
Thu từ thanh lý vật tư	345.125.454	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu được hoàn	-	13.795.365.623
Thu lãi trả chậm, lãi tiền phạt và thu tiền điện	866.597.345	2.826.401.698
Thu được bồi thường	1.187.636.740	122.200.000
Thu hồi công nợ phải thu khó đòi	-	2.714.688.761
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	272.151.938
Xử lý công nợ phải trả nhưng không phải trả	-	349.319.404
Thu khác	4.071.007.432	746.111.156
Thu nhập khác	<u>78.872.855.730</u>	<u>23.847.342.749</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(52.733.683.459)	(1.526.604.321)
Thanh lý công cụ, dụng cụ	(1.172.855.315)	-
Truy thu thuế nhập khẩu của hàng tạm nhập tái xuất	(61.548.312.234)	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	(322.361.219)
Chi phí khác	(4.063.666.448)	(1.527.295.362)
Chi phí khác	<u>(119.518.517.456)</u>	<u>(3.376.260.902)</u>
(LỖ)/lợi nhuận khác	<u>(40.645.661.726)</u>	<u>20.471.081.847</u>

Trong số thuế truy thu và phạt chậm nộp thuế bao gồm số thuế nhập khẩu phải nộp là 59.602.281.242 đồng và thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp là 218.003.776 đồng theo Quyết định số 2573/QĐ-TCHQ ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ấn định thuế mặt hàng xăng, dầu tạm nhập nhưng không tái xuất hoặc tái xuất không hết được chuyển tiêu thụ nội địa trong năm 2012 của Công ty.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lỗi kế toán trước thuế	(469.127.075.453)	(875.930.032.696)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	22.340.456.488	39.215.169.430
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	<u>943.878.828</u>	<u>11.173.178.619</u>
Lỗi tính thuế	(490.523.653.113)	(903.972.023.507)
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	26.104.754.579	-
Lỗi tính thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh chính	(516.628.407.692)	-
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty con	1.020.758.592	2.918.189.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	6.526.188.645	-
Giảm trừ thuế	<u>(1.702.792.872)</u>	<u>(372.104.133)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>5.844.154.365</u>	<u>2.546.084.904</u>

Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chủ yếu bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty mẹ và thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty con Cisco do có phát sinh thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các khoản lỗi tính thuế là 1.811.308.828.418 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.284.066.793.759 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗi này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Các khoản lỗi tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Các khoản lỗi tính thuế <u>VND</u>
2016	375.284.173.111
2017	908.782.620.648
2018	<u>527.242.034.659</u>
	<u>1.811.308.828.418</u>

36. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lỗ trong năm	(461.749.349.328)	(871.343.027.395)
Lỗ thuộc về cổ đông Công ty	(461.749.349.328)	(871.343.027.395)
Lỗ để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu	<u>(461.749.349.328)</u>	<u>(871.343.027.395)</u>

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*Số cổ phiếu

	2013	2012
	VND	VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	248.877.470	248.877.470
Lỗi cơ bản trên cổ phiếu	(1.855)	(3.501)

37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Trong năm, Công ty có ký các hợp đồng thuê các kho bãi với Tổng Công ty Dầu Việt Nam và Công ty TNHH MTV Xăng dầu An pha Vĩnh Long để bảo quản xăng dầu cũng như dự trữ hàng để bán. Phí thuê kho hàng tháng được tính căn cứ vào số lượng xăng dầu nhập, xuất và tồn nhân với đơn giá 12 đồng/lít 15 độ C cho phí bơm rót; 40 đồng/lít 15 độ C cho tiếp nhận hàng và 51 đồng/lít 15 độ C (bình quân tháng) cho phí bảo quản.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 24 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	142.062.508.533	297.846.222.741
Phải thu khách hàng và phải thu khác	560.532.215.944	2.039.431.384.654
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	97.530.251.336	165.123.108.039
Ký quỹ	37.953.000	127.306.605
Tổng	800.162.928.813	2.502.528.022.039
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	101.224.008.500	3.257.649.702.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.278.237.721.239	1.084.061.466.695
Chi phí phải trả	126.333.388	10.491.582.962
Tổng	1.379.588.063.127	4.352.202.751.657

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá cả. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

	Tài sản		Nợ phải trả	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	17.601.154.966	103.944.997.143	54.202.817.319	266.195.669.332
Euro ("EUR")	18.114.361	2.724.469.912	-	-
Đô la Singapore ("SGD")	11.775.977	12.379.462	-	-

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ biến động rủi ro tỷ giá được Ban Tổng Giám đốc xác định là 2%. Khi đó, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Nếu Đô la Mỹ tăng/giảm 2% so với Đồng Việt Nam thì lỗ trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng/giảm một khoản tiền là 732.033.247 đồng (năm 2012: 3.245.013.444 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho Euro và Đô la Singapore, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lỗ trước thuế của Công ty.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng/giảm một khoản tiền là 2.024.480.170 đồng (năm 2012: 65.152.994.040 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản nợ tín dụng khá lớn từ các khách hàng kinh doanh xăng dầu như trình bày tại Thuyết minh số 6.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	142.062.508.533	-	142.062.508.533
Phải thu khách hàng và phải thu khác	558.909.727.821	1.622.488.123	560.532.215.944
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		97.530.251.336	97.530.251.336
Ký quỹ	37.953.000	-	37.953.000
	701.010.189.354	99.152.739.459	800.162.928.813
Các khoản vay	100.112.008.500	1.112.000.000	101.224.008.500
Phải trả người bán và phải trả khác	1.278.237.721.239	-	1.278.237.721.239
Chi phí phải trả	126.333.388	-	126.333.388
	1.378.476.063.127	1.112.000.000	1.379.588.063.127
Chênh lệch thanh khoản thuần	(677.465.873.773)	98.040.739.459	(579.425.134.314)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	297.846.222.741	-	297.846.222.741
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.036.020.682.938	3.410.701.716	2.039.431.384.654
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	165.123.108.039	165.123.108.039
Ký quỹ	127.306.605	-	127.306.605
	2.333.994.212.284	168.533.809.755	2.502.528.022.039
Các khoản vay	3.256.475.162.000	1.174.540.000	3.257.649.702.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.084.061.466.695	-	1.084.061.466.695
Chi phí phải trả	10.491.582.962	-	10.491.582.962
	4.351.028.211.657	1.174.540.000	4.352.202.751.657
Chênh lệch thanh khoản thuần	(2.017.033.999.373)	167.359.269.755	(1.849.674.729.618)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình do một phần lớn khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh số 39. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quan**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)
 Công ty Cổ phần Petec Bình Định
 Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu
 Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận
 Công ty Cổ phần Kho vận Petec
 Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủ Đức
 Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn
 Tổng Công ty Năng lượng Dầu khí Việt Nam
 Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty cùng tập đoàn
 Công ty cùng tập đoàn
 Công ty cùng tập đoàn
 Công ty cùng tập đoàn



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Bán hàng		
Bán hàng và dịch vụ cho Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	192.917.745.121	213.250.121.414
Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Bạc Liêu	141.974.862.885	390.049.546.326
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	109.986.985.618	880.891.026.800
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	<u>529.717.960.553</u>	<u>-</u>
Bán hàng cho trong cùng tập đoàn		
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủ Đức	199.926.510.209	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	<u>-</u>	<u>179.234.726.144</u>
Mua hàng		
Công ty mua hàng hóa từ các Công ty trong cùng tập đoàn		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	4.816.004.397.917	17.192.344.482.974
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	<u>2.522.514.967.591</u>	<u>410.589.729.421</u>
Công ty sử dụng dịch vụ của các Công ty trong cùng tập đoàn		
Tổng Công ty Năng lượng Dầu khí Việt Nam	882.688.463	1.236.800.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	7.220.535.803	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	<u>2.075.353.928</u>	<u>6.870.310.993</u>
	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty sử dụng dịch vụ từ các Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	<u>158.130.000</u>	<u>221.049.620</u>
Vay – Tài chính Dầu khí (PVFC)		
Vay trong năm	-	620.190.450.998
Trả nợ vay trong năm	-	620.190.450.998
Lãi vay phải trả trong năm	<u>-</u>	<u>15.213.063.655</u>
Cổ tức nhận từ		
Công ty liên kết	<u>7.346.599.450</u>	<u>4.662.404.350</u>
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>4.972.729.000</u>	<u>4.560.241.000</u>

0-002
HÀNH
G TY
EM HỮU
DITTE
NAM
HỒC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Công ty liên kết	16.571.651.196	49.777.279.916
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	855.132.036	6.344.800.000
Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Bạc Liêu	-	16.590.323.916
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	61.481.339	26.842.156.000
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	<u>15.655.037.821</u>	<u>-</u>
Các khoản phải trả		
Công ty liên kết	-	19.296.112
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	<u>-</u>	<u>19.296.112</u>
Công ty trong cùng tập đoàn	1.225.641.283.044	950.924.353.845
Công ty Bảo hiểm Dầu khí TPHCM (PVI)	-	289.685.671
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	-	909.954.099.631
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil) (mua dầu)	1.225.641.283.044	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil) (vay dầu)	<u>-</u>	<u>40.680.568.543</u>

40. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 10 tháng 3 năm 2014.

Mai Ngọc Rin
Người lập biểuHuỳnh Đức Trường
Kế toán trưởngNguyễn Xuân Hòa
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

